

ĐẢM BẢO SINH KẾ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÙNG NÔNG THÔN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ LINH
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 18/4/2026. Sửa chữa xong 20/5/2026. Duyệt đăng 30/5/2026.

Abstract

Ensuring livelihoods for rural workers is a prerequisite for achieving the strategic goals of the "three rural issues" (agriculture, farmers, and rural areas) and national sustainable development. This article analyzes the current state of livelihoods for rural workers in Vietnam in the face of the intertwined impacts of the Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0), the process of economic restructuring, and the wave of labor restructuring after the pandemic. Based on this analysis, it proposes a comprehensive system of solutions to build a sustainable livelihood framework for rural workers in the new era.

Keywords: Employment, livelihood, rural areas, security, situation, solution, workers.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình gần 40 năm đổi mới, khu vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn (tam nông) luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là bệ đỡ chiến lược cho sự ổn định kinh tế - chính trị quốc gia. Các định hướng lớn chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đều nhấn mạnh yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nông thôn với tiến trình hiện đại hóa và đảm bảo an sinh toàn diện. Tuy nhiên, không gian sinh kế của lao động nông thôn hiện nay đang chịu áp lực cộng hưởng mạnh mẽ từ xu hướng "xanh hóa", "số hóa" và dịch chuyển địa kinh tế khu vực. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với lõi trung tâm là trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa đang tái cấu trúc sâu sắc thị trường lao động. Làn sóng cắt giảm nhân công tại các khu công nghiệp thâm dụng lao động truyền thống đã kích hoạt xu hướng "lao động đảo chiều" quay về quê hương. Nhóm lao động này đối mặt với rủi ro kép: vừa mất tư liệu sản xuất truyền thống (đất đai bị thu hẹp do đô thị hóa), vừa thiếu hụt "kỹ năng số" và "kỹ năng xanh" để thích ứng với chuỗi giá trị mới. Sự phân hóa giàu nghèo và tính bất bênh của việc làm phi chính thức tại nông thôn không chỉ là bài toán kinh tế mà còn là nguy cơ tiềm ẩn gây bất ổn an ninh trật tự, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng kích động, chống phá nền tảng tư tưởng xã hội trước thềm Đại hội Đảng các cấp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng đảm bảo sinh kế cho người lao động vùng nông thôn hiện nay

2.1.1. Những kết quả đạt được trong đảm bảo sinh kế cho người lao động

Sự bứt phá của vốn tài chính nhờ chuyển đổi từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp: Thực tiễn phát triển nông thôn những năm qua cho thấy thu nhập và mức sống của người lao động nông thôn đã có những bước cải thiện mang tính bước ngoặt, chuyển dịch rõ nét từ việc gia tăng sản lượng thuần túy sang tối ưu hóa giá trị kinh tế trên từng đơn vị diện tích. Người lao động đã chủ động tiếp cận các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và đặc biệt là chuỗi giá trị tích hợp đa tầng. Việc ứng dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (như VietGAP, GlobalGAP) và tham gia sâu vào chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) đã giúp người nông dân làm chủ được giá cả, giá

Email: linhnguyen5285@gmail.com

tăng biên lợi nhuận đáng kể, từ đó tích lũy được nguồn vốn tài chính vững chắc và bền vững hơn trước các biến động của thị trường (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024, tr. 71). Ví dụ: Tại thủ phủ hành chính và nông nghiệp công nghệ cao Đà Lạt (Lâm Đồng) hay các mô hình trồng cây ăn trái xuất khẩu tại Đồng bằng sông Cửu Long, người nông dân không còn canh tác theo lối truyền thống. Nhiều hộ gia đình đã đầu tư hệ thống nhà kính, hệ thống tưới nhỏ giọt tự động điều khiển qua điện thoại thông minh để trồng dâu tây nghệ thuật hoặc sầu riêng đạt chuẩn xuất khẩu sang thị trường khó tính. Nhờ tư duy kinh tế này, doanh thu trên một hecta đất canh tác có thể đạt từ 500 triệu đến hơn 1 tỷ đồng/năm, biến người nông dân thành các chủ doanh nghiệp nông nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh.

Sự khởi sắc của vốn con người qua công tác đào tạo kỹ năng số và chuyển dịch nghề nghiệp tại chỗ: Chất lượng nguồn nhân lực nông thôn yếu tố cốt lõi của vốn con người đã có sự chuyển biến tích cực về cả nhận thức lẫn kỹ năng thực tế. Người lao động nông thôn hiện nay, đặc biệt là thế hệ trẻ không còn bó hẹp trong các kỹ năng lao động chân tay thô sơ mà đã chủ động trang bị các kỹ năng thích ứng với nền kinh tế số. Các chương trình đào tạo nghề thế hệ mới của Nhà nước và các tổ chức xã hội đã bắt đầu tích hợp kỹ năng quản trị kinh doanh số, thương mại điện tử và vận hành các thiết bị kỹ thuật hiện đại. Sự nâng cao về vốn con người giúp lao động nông thôn tự tạo việc làm, chuyển dịch sang khu vực phi nông nghiệp ngay tại địa phương mà không cần phải di cư tự do về các đô thị lớn đầy rủi ro. Ví dụ: Sự bùng nổ của các "làng tỷ phú thương mại điện tử" hay các "Hot TikToker nông dân" tại các vùng nông thôn miền núi phía Bắc (như Bắc Giang, Lạng Sơn) là minh chứng sống động. Người nông dân sau khi tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn về kỹ năng số đã tự tin livestream ngay tại vườn để chốt hàng nghìn đơn hàng vải thiều, na Chi Lăng hay cam sành mỗi ngày. Họ không còn phụ thuộc hoàn toàn vào thương lái, tự tối ưu hóa quy trình đóng gói, vận chuyển và chia sẻ trực quan quy trình canh tác sạch, nâng cao năng lực cạnh tranh cá nhân một cách vượt trội trên không gian số.

Hiện đại hóa vốn vật chất và vốn công nghệ làm bệ đỡ cho các mô hình sinh kế thông minh: Hạ tầng nông thôn mới nâng cao đã tạo ra một diện mạo hoàn toàn mới cho vốn vật chất, đóng vai trò là hạ tầng kỹ thuật thiết yếu thúc đẩy sinh kế phát triển. Hệ thống giao thông nông thôn được bê tông hóa, điện lưới quốc gia và đặc biệt là hạ tầng viễn thông, mạng Internet băng thông rộng, sóng 4G/5G đã phủ khắp các thôn bản vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh hạ tầng cứng, "hạ tầng công nghệ" bao gồm các phần mềm quản lý trang trại, bản đồ số nông nghiệp và các thiết bị máy móc thông minh như thiết bị bay không người lái (Drone) đã được chuyển giao mạnh mẽ đến tận tay người lao động, giúp giải phóng sức lao động và tối ưu hóa chi phí sản xuất (Ban Chấp hành Trung ương, 2022, tr. 3). Ví dụ: Tại các vùng thâm canh lúa lớn ở An Giang hay Đồng Tháp, hình ảnh người nông dân ra đồng với chiếc điện thoại thông minh để điều khiển Drone phun thuốc bảo vệ thực vật hoặc gieo sạ hạt giống đã trở nên quen thuộc. Việc ứng dụng mạng lưới trạm giám sát sâu bệnh thông minh và hệ thống cảm biến đo độ mặn của nước giúp người lao động nhận cảnh báo thời gian thực qua ứng dụng, từ đó đưa ra quyết định canh tác chính xác, giảm 30% chi phí đầu vào và bảo vệ sức khỏe con người, tạo tiền đề cho một phương thức sinh kế an toàn, hiện đại.

Phát huy sức mạnh của vốn xã hội thông qua các mô hình liên kết và hợp tác xã kiểu mới: Vốn xã hội của người lao động nông thôn đã được củng cố và nâng tầm dựa trên các mối quan hệ hợp tác chính thức, bền chặt thay vì chỉ dựa vào tình làng nghĩa xóm tự phát như trước đây. Sự phát triển mạnh mẽ của các hợp tác xã (HTX) kiểu mới, các tổ hợp tác và các hội quán nông dân đã tạo ra một mạng lưới liên kết ngang hiệu quả. Đồng thời, mối liên kết dọc giữa người lao động với các doanh nghiệp chế biến và tập đoàn bán lẻ lớn được thiết lập dựa trên các hợp đồng kinh tế chặt chẽ. Vốn xã hội mạnh mẽ này giúp người lao động chia sẻ rủi ro, tăng quyền năng thương lượng trên thị trường và bảo vệ sinh kế trước các cú sốc kinh tế. Ví dụ: Mô hình "Hội quán nông dân" tại tỉnh Đồng Tháp (như Canh Tân Hội quán, Minh Tâm Hội quán) là một điển hình tiêu biểu cho việc phát huy vốn xã hội. Đây là nơi các thành viên tự nguyện tập hợp để cùng thảo luận về kỹ thuật sản xuất, chia sẻ thông tin thị trường và thống nhất quy trình xuống giống để tránh tình trạng "được mùa mất giá". Từ nền tảng hội quán này, các HTX kiểu mới được thành lập, đứng ra ký kết hợp đồng tiêu thụ dài hạn với các hệ thống siêu thị

lớn như WinMart hay Co.opmart, giúp sinh kế của hàng trăm hộ nông dân thành viên luôn được đảm bảo ổn định và bền vững.

2.1.2. Những tổn tại, hạn chế trong đảm bảo sinh kế cho người lao động

Sự tổn thương sâu sắc của vốn tự nhiên trước tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan: Đất đai canh tác, nguồn nước và hệ sinh thái tự nhiên vốn là tư liệu sản xuất cốt lõi của người nông dân đang bị suy thoái mạnh mẽ do tác động của biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Sự suy giảm này diễn ra với tốc độ nhanh hơn khả năng tự thích ứng của người lao động. Khi nguồn vốn tự nhiên bị xâm hại, toàn bộ cấu trúc sinh kế của các hộ gia đình phụ thuộc vào nông nghiệp bị lung lay, đẩy họ vào trạng thái mất an ninh thu nhập và dễ dàng rơi trở lại ngưỡng nghèo đói chỉ sau một chu kỳ thiên tai.

Sự thiếu hụt chất lượng vốn con người và nghịch lý “thừa lao động phổ thông, thiếu lao động tay nghề số”: Mặc dù nguồn cung lao động nông thôn rất dồi dào, song chất lượng vốn con người lại đang là một điểm nghẽn kịch liệt trước yêu cầu của nền kinh tế số và kinh tế xanh. Tỷ lệ lao động nông thôn chưa qua đào tạo, chưa có bằng cấp chứng chỉ chính thức vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Phần lớn người lao động chỉ tích lũy kinh nghiệm thông qua phương thức truyền nghề thô sơ, thiếu nền tảng kiến thức khoa học và năng lực tư duy kỹ thuật. Sự thiếu hụt trầm trọng các “kỹ năng tương thích” như kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng vận hành máy móc tự động hóa và kiến thức quản trị kinh doanh đã tước bỏ cơ hội của lao động nông thôn trong việc tiếp cận các công việc có giá trị gia tăng cao, buộc họ phải chấp nhận các sinh kế bấp bênh ở khu vực phi chính thức (Hữu Mạnh, 2021).

Tính bấp bênh của vốn tài chính do tác động từ làn sóng “lao động đảo chiều” và bẫy việc làm phi chính thức: Sự tích lũy vốn tài chính của lao động nông thôn hiện nay thiếu tính ổn định và chứa đựng nhiều rủi ro hệ thống. Do tác động từ làn sóng dịch chuyển địa kinh tế, sự bão hòa của các ngành công nghiệp thâm dụng lao động tại các đô thị lớn đã đẩy một dòng người khổng lồ quay ngược về quê hương. Nhóm lao động trung niên (trên 35-40 tuổi) khi trở về nông thôn đối mặt với rào cản lớn: họ không còn đất sản xuất do đã bị thu hồi hoặc chuyển nhượng trước khi ly hương, đồng thời sức khỏe suy giảm khiến họ khó lòng thực hiện các công việc nặng nhọc. Họ buộc phải tìm sinh kế trong khu vực phi chính thức tại địa phương (thợ xây tự do, buôn bán nhỏ, bốc vác) với thu nhập bấp bẩy, không có bảo hiểm xã hội, không có hợp đồng lao động, khiến nguồn vốn tài chính luôn đặt trong trạng thái báo động trước các cú sốc ốm đau, tai nạn. Ví dụ: Làn sóng hàng vạn công nhân ngành dệt may, da giày tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai bị cắt giảm hợp đồng do doanh nghiệp thiếu đơn hàng đã buộc phải dắt díu nhau về các vùng nông thôn miền Trung, miền Bắc. Tại quê nhà, do không có đất canh tác, nhiều người gom chút tiền trợ cấp thất nghiệp ít ỏi để mở hàng nước, làm nghề phụ hồ hoặc chạy xe ôm công nghệ tại trung tâm huyện. Thu nhập của họ sụt giảm hơn một nửa so với thời gian làm công nhân, bấp bênh theo ngày và hoàn toàn nằm ngoài lưới an sinh xã hội.

Điểm nghẽn về vốn vật chất và sự phân hóa trong tiếp cận hạ tầng công nghệ hiện đại: Mặc dù hạ tầng giao thông và viễn thông nông thôn đã được cải thiện đáng kể nhưng việc tiếp cận Vốn vật chất mang tính chất công nghệ cao và tư liệu sản xuất tiên tiến lại đang diễn ra sự phân hóa sâu sắc (Ban Chấp hành Trung ương, 2022, tr. 3). Có một “khoảng cách số” (digital divide) rất lớn giữa các vùng miền và giữa các nhóm hộ gia đình tại nông thôn. Các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số hoặc các vùng có địa hình chia cắt khó khăn hầu như không có cơ hội tiếp cận hoặc sở hữu các công nghệ sản xuất hiện đại do chi phí đầu tư ban đầu quá lớn. Sự phân hóa này vô hình trung tạo ra một sự bất bình đẳng mới trong phát triển sinh kế: những hộ giàu càng có điều kiện ứng dụng công nghệ để làm giàu, trong khi hộ nghèo bị tụt hậu sâu hơn do phải sản xuất bằng công cụ thô sơ, năng suất thấp. Ví dụ: Trong khi các trang trại lớn tại Đông Nam Bộ có đủ tiềm lực tài chính để lắp đặt hệ thống cảm biến điều khiển nhiệt độ, độ ẩm tự động giá hàng trăm triệu đồng cho chuồng trại chăn nuôi thì các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ tại các xã nghèo vùng miền núi miền Trung vẫn phải sử dụng phương thức nuôi thả tự phát hoặc chuồng trại thô sơ bằng tre nứa. Khi có dịch bệnh (như dịch tả lợn châu Phi) hay rét đậm rét hại

cần quét, các hộ nhỏ lẻ này gánh chịu thiệt hại 100% tài sản, trong khi các trang trại lớn vẫn an toàn nhờ quy trình khép kín công nghệ cao.

2.2. Những vấn đề đặt ra trong đảm bảo sinh kế cho người lao động vùng nông thôn hiện nay

2.2.1. Mâu thuẫn giữa tốc độ chuyển đổi số, xanh hóa nền kinh tế với năng lực tiếp thu có độ trễ của lượng lao động lớn tuổi tại nông thôn

Việc áp dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn vào quản trị trang trại hay yêu cầu khắt khe về giảm phát thải carbon (kỹ năng xanh) đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. Tuy nhiên, một bộ phận lớn lao động nông thôn trung niên và lớn tuổi (nhóm dịch chuyển ngược do làn sóng sa thải tại các khu công nghiệp) lại có mức độ nhạy bén công nghệ thấp và tư duy sản xuất cũ đã hằn sâu. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để xây dựng được một lộ trình chuyển đổi mang tính bao trùm, giúp nhóm đối tượng yếu thế này không bị tụt lại phía sau và bị gạt ra khỏi chuỗi giá trị mới, tránh nguy cơ hình thành một “khoảng cách số” và bất bình đẳng thu nhập sâu sắc ngay tại các vùng nông thôn.

2.2.2. Khoảng trống thể chế trong việc quản lý và bảo vệ quyền lợi cho nhóm lao động phi chính thức và lao động di cư ngược

Hiện nay, phần lớn chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội (BHXH) và an toàn lao động của nước ta vẫn đang được thiết kế ưu tiên cho khu vực chính thức (người có hợp đồng lao động tại cơ quan, doanh nghiệp) (Ban Chấp hành Trung ương, 2022, tr. 4). Khi dòng “lao động đảo chiều” quay về quê hương và tự tạo sinh kế bấp bênh tại địa phương (làm nghề tự do, thương mại nhỏ lẻ, kinh doanh số tự phát), họ gần như nằm ngoài lưới an sinh của Nhà nước. Vấn đề đặt ra cho các cơ quan quản lý là phải nhanh chóng cải cách thể chế, thiết kế các gói an sinh xã hội đa tầng, bảo hiểm vi mô linh hoạt và cơ chế đóng - hưởng BHXH tự nguyện hấp dẫn, phù hợp với đặc thù thu nhập không ổn định của cư dân nông thôn nhằm ngăn chặn rủi ro tái nghèo khi đối mặt với cú sốc sức khỏe hoặc khi hết tuổi lao động.

2.2.3. Thách thức trong việc khơi thông và định hướng nguồn vốn tín dụng chính sách gắn liền với các mô hình kinh tế sáng tạo tại chỗ

Các gói tín dụng ưu đãi hiện tại của Ngân hàng Chính sách xã hội chủ yếu vẫn vận hành theo tư duy cũ, tập trung vào mục tiêu cứu trợ, giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hoặc chăn nuôi, trồng trọt quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ. Trong bối cảnh mới, khi người lao động nông thôn cần vốn để chuyển đổi sang nông nghiệp số, đầu tư thiết bị drone, xây dựng thương hiệu OCOP hoặc khởi nghiệp du lịch sinh thái, họ gặp rào cản lớn về thủ tục chứng minh tính khả thi của phương án kinh doanh hoặc thiếu tài sản thế chấp theo quy định. Bài toán đặt ra là cần phải đổi mới căn bản triết lý tín dụng chính sách: chuyển mạnh mẽ từ “cho vay an sinh” sang “cho vay đầu tư phát triển”, chấp nhận các hình thức tín chấp dựa trên liên kết chuỗi giá trị và năng lực quản trị công nghệ của người lao động.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng đảm bảo sinh kế cho người lao động vùng nông thôn hiện nay

2.3.1. Tái cấu trúc vốn tự nhiên thông qua quy hoạch nông nghiệp số và chuyển đổi mô hình kinh tế tuần hoàn

Nhà nước cần chủ động can thiệp bằng các công cụ quy hoạch vĩ mô, xây dựng bản đồ số hóa về thổ nhưỡng, nguồn nước và dự báo thiên tai thời gian thực cho từng tiểu vùng sinh thái. Thay vì tiếp tục đẩy mạnh thâm canh, lạm dụng phân bón hóa học làm suy kiệt độ phì nhiêu của đất, người lao động nông thôn cần được hướng dẫn và hỗ trợ tài chính để chuyển sang các mô hình nông nghiệp tuần hoàn nơi chất thải của quy trình này là đầu vào của quy trình khác (Thủ tướng Chính phủ, 2022, tr. 4). Tư duy này không chỉ bảo vệ nguồn vốn tự nhiên, giảm thiểu chi phí đầu vào mà còn tạo ra các sản phẩm nông sản “sạch”, đạt chứng nhận xanh, nâng cao giá trị thặng dư kinh tế trên một đơn vị diện tích đất nhỏ hẹp. Ví dụ: Tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ như Đồng Tháp, Cà Mau, trước áp lực của xâm nhập mặn, chính quyền đã hỗ trợ người dân chuyển đổi từ độc canh cây lúa sang mô hình tuần hoàn “lúa - tôm” hoặc “lúa - rươi”. Trong mùa mưa, người dân dẫn nước ngọt vào trồng lúa sạch; đến mùa khô nước mặn xâm nhập, họ chuyển sang nuôi tôm sinh thái dưới chân ruộng. Chất thải hữu cơ của con tôm là

nguồn phân bón tự nhiên giàu dinh dưỡng cho vụ lúa tiếp theo, ngược lại, gốc rạ sau thu hoạch là thức ăn tự nhiên cho tôm. Mô hình này giúp bảo vệ kết cấu đất, không gây ô nhiễm nguồn nước, đem lại thu nhập cao gấp 3-4 lần so với trồng lúa thuần túy và thích ứng hoàn hảo với biến đổi khí hậu.

2.3.2. Thúc đẩy không gian kinh tế tại chỗ bằng mô hình “Ly nông bất ly hương” và nâng tầm chuỗi giá trị OCOP

Nhằm giảm bớt áp lực di dân tự do và giải quyết triệt để hệ quả của làn sóng “lao động đảo chiều”, giải pháp cốt lõi là phải tạo ra sinh kế phi nông nghiệp bền vững ngay tại không gian nông thôn. Mô hình chiến lược “Ly nông bất ly hương” (ngừng làm ruộng nhưng không rời bỏ quê hương) cần được hiện thực hóa bằng cách quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp vệ tinh, phát triển chuỗi dịch vụ gắn liền với du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái và bảo tồn các làng nghề truyền thống. Điểm nhấn của giải pháp này là phải nâng cấp chiều sâu cho chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP). Không dừng lại ở việc sản xuất bán thô thô sơ, các địa phương phải hỗ trợ người lao động ứng dụng công nghệ chế biến sâu, xây dựng thương hiệu quốc gia, bảo hộ sở hữu trí tuệ và đưa sản phẩm trực tiếp lên các sàn giao dịch số xuyên biên giới nhằm gia tăng vốn tài chính một cách bền vững (Nguyễn Thị Quyết, 2023). Ví dụ: Mô hình chuyển đổi tại làng cổ Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội) hoặc các bản làng du lịch cộng đồng tại Sa Pa (Lào Cai) là minh chứng điển hình. Người nông dân không còn phụ thuộc hoàn toàn vào cây lúa, cây ngô bắp bèo nhèo mà tận dụng không gian kiến trúc, bản sắc văn hóa để phát triển dịch vụ homestay, hướng dẫn viên du lịch và chế biến đặc sản địa phương thành sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao. Sự chuyển dịch này giúp một lượng lớn lao động trung niên tại chỗ, đặc biệt là phụ nữ, có việc làm ổn định với thu nhập cao ngay tại nhà, ngăn chặn tình trạng ly hương tìm việc đầy rủi ro ở các thành phố lớn.

2.3.3. Đột phá chiến lược trong cải cách giáo dục nghề nghiệp: Tích hợp Kỹ năng số và Kỹ năng xanh

Để giải quyết “điểm nghẽn” lớn nhất về vốn con người, hệ thống giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn cần có một bước chuyển dịch mang tính cấu trúc, đoạn tuyệt với tư duy dạy nghề ngắn hạn, thâm dụng lao động kiểu cũ. Khung chương trình đào tạo mới phải được thiết kế dựa trên hai trục lõi: Kỹ năng số (vận hành máy móc thông minh, sử dụng ứng dụng quản lý trang trại bằng AI, kỹ năng thương mại điện tử, livestream bán hàng trực tiếp) và Kỹ năng xanh (kỹ thuật nông nghiệp giảm phát thải carbon, quy trình xử lý rác thải sinh học, sử dụng năng lượng tái tạo). Đồng thời, Nhà nước phải thay đổi cơ chế phân bổ ngân sách: chuyển từ cấp phát bình quân sang cơ chế “đặt hàng đào tạo” dựa trên địa chỉ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Các cơ sở dạy nghề phải liên kết hữu cơ với các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao và tập đoàn công nghệ để đảm bảo nội dung đào tạo bám sát thực tiễn sản xuất. Ví dụ: Chương trình hợp tác tại thủ phủ cây ăn trái tỉnh Sơn La. Chính quyền địa phương phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, công nghệ (như Viettel Post, VNPT) và trường cao đẳng nghề tổ chức các khóa huấn luyện đặc biệt cho thanh niên nông thôn. Họ không chỉ học kỹ thuật ghép mắt, bao trái quả xoài, quả nhãn theo tiêu chuẩn GlobalGAP mà còn được thực hành trực tiếp cách sử dụng Drone để phun thuốc sinh học, cách thiết lập tài khoản doanh nghiệp trên các sàn thương mại điện tử, cách quản lý tệp khách hàng trực tuyến. Kết quả là thế hệ nông dân trẻ này có thể tự đứng ra vận hành các hợp tác xã số, tự chủ kênh tiêu thụ nông sản xuất khẩu sang thị trường EU, Nhật Bản mà không cần qua khâu trung gian.

2.3.4. Hoàn thiện hệ sinh thái thể chế an sinh xã hội đa tầng và đổi mới mô hình tín dụng chính sách

Một khung sinh kế bền vững không thể thiếu tấm lưới bảo hộ vững chắc từ hệ thống an sinh xã hội để giúp người lao động chống chịu trước các cú sốc bất khả kháng. Về thể chế an sinh, Nhà nước cần nghiên cứu xây dựng các gói bảo hiểm nông nghiệp vi mô, bảo hiểm rủi ro thiên tai thiên lệch có sự hỗ trợ một phần mức đóng từ ngân sách nhằm bảo vệ thành quả lao động của người nông dân. Cần đẩy mạnh các biện pháp truyền thông sáng tạo để tăng nhanh tỷ lệ lao động nông thôn, đặc biệt là lao động từ khu vực phi chính thức và lao động quay trở về từ đô thị, tham gia vào hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện, đảm bảo họ có lương hưu khi hết tuổi lao động. Về công cụ tài chính, cần đổi mới

toàn diện hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội: Dịch chuyển trọng tâm từ mục tiêu “cho vay trợ cấp, xóa đói giảm nghèo” sang “cho vay kích thích khởi nghiệp sáng tạo”, đơn giản hóa thủ tục thế chấp bằng cách công nhận các tài sản số hoặc phương án kinh doanh khả thi trên không gian mạng của người lao động. Ví dụ: Tại một số địa phương thuộc khu vực miền Trung, chính quyền đã thí điểm mô hình “Quỹ tín dụng an sinh” liên kết giữa Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương và các tổ chức đoàn thể (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ). Quỹ này cung cấp các khoản vay tín chấp ưu đãi với lãi suất thấp dành riêng cho các lao động mất việc từ các khu công nghiệp phía Nam trở về quê. Người lao động được vay từ 50 - 100 triệu đồng mà không cần thế chấp sổ đỏ, với điều kiện họ cam kết tham gia vào các lớp học nghề xanh tại địa phương và ứng dụng vốn vào việc chăn nuôi gia súc an toàn sinh học hoặc mở xưởng thủ công mỹ nghệ, giúp họ nhanh chóng thiết lập một sinh kế mới ổn định, ngăn chặn nguy cơ rơi vào bẫy tín dụng đen nguy hiểm.

3. Kết luận

Giải quyết bài toán sinh kế cho người lao động nông thôn hiện nay không thuần túy là việc thực hiện các biện pháp an sinh xã hội mang tính chất cứu trợ, ứng phó nhất thời. Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và trong nước đang chịu tác động sâu sắc bởi làn sóng Cách mạng Công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển dịch xanh, việc đảm bảo sinh kế bền vững là một chiến lược đầu tư mang tính sống còn đối với mục tiêu bảo vệ toàn diện nền tảng tư tưởng xã hội và thúc đẩy sự phát triển kinh tế vùng hài hòa. Thực tiễn đòi hỏi phải có sự thay đổi căn bản về mặt tư duy quản lý: chuyển mạnh mẽ từ mô hình hỗ trợ dựa trên tài nguyên sẵn có sang mô hình nâng cao năng lực tự chủ thông qua tri thức và công nghệ cho người lao động. Hệ thống giải pháp bốn trụ cột được đề xuất trong nghiên cứu này bao gồm hiện đại hóa nông nghiệp số, phát triển kinh tế tại chỗ qua mô hình “ly nông bất ly hương”, đột phá trong đào tạo kỹ năng thế hệ mới và hoàn thiện hệ sinh thái an sinh xã hội đa tầng chính là chìa khóa để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước về “tam nông”. Những giải pháp này không chỉ giúp gia tăng “nguồn vốn con người” và “nguồn vốn tài chính” cho cư dân nông thôn mà còn triệt tiêu các nguy cơ tiềm ẩn về bất ổn trật tự xã hội trước thềm Đại hội Đảng các cấp. Chuyển đổi thành công sinh kế cho lao động nông thôn từ thế bị động, bấp bênh sang thế chủ động, thích ứng linh hoạt trước các cú sốc thị trường và công nghệ chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam xây dựng một giai cấp nông dân hiện đại, một quốc gia thịnh vượng và phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). *Sách trắng Hợp tác xã Việt Nam*. NXB Thống kê.

Hữu Mạnh (2021). *Cục Phát triển đô thị: Năm 2022, tập trung xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị*, <https://baoxaydung.com.vn/cuc-phat-trien-do-thi-nam-2022-tap-trung-xay-dung-luat-quan-ly-phat-trien-do-thi-322117.html>, ngày 15-12-2021.

Nguyễn Thị Quyết (2023). *Xây dựng giai cấp nông dân gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn hiện nay*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/02/15/xay-dung-giai-cap-nong-dan-gan-voi-qua-trinh-cong-nghiep-hoa-do-thi-hoa-nong-thon-hien-nay/>, ngày 15/02/2023.

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*.